TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 8 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Bình Minh
2. Ông Nguyễn Anh Sơn

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Bùi Minh Thắng – Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên tham gia phiên tòa*:* Ông Vũ Trí Giáp - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/7/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Vũ Bế Thái D**. Địa chỉ: Số nhà X, tổ dân phố Y (nay là Tổ dân phố T), phường Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị **Vũ Thị H**. Địa chỉ: Bản H (nay là Tổ dân phố H), phường Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2026, Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2026, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh D, chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Đ (nay là phường Đ), tỉnh Điện Biên vào

ngày 06/10/2023. Đến ngày 22/10/2025, lợi dụng thời gian anh D đi làm, chị H đã lấy tiền, vàng…và mang con chung là cháu Vũ Ngọc Tuệ N bỏ đi khỏi nơi cư trú. Cho đến nay, anh D không liên hệ được với chị H, không biết nơi cư trú hiện nay của chị H. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên anh D yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Anh D, chị H có 01 con chung là Vũ Ngọc Tuệ N - sinh ngày 15/11/2022. Anh D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh D không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không trả lời thông báo thụ lý vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

3. Việc thu thập, xác minh tài liệu, chứng cứ:

Tại Văn bản số 2583/UBND-VP ngày 26/6/2026 Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Điện Biên có ý kiến như sau: Anh D và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, nay là phường Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 06/10/2023. Hiện tại, UBND phường Đ không nắm được tình trạng hôn nhân cũng chưa nhận được yêu cầu hòa giải của anh D và chị H.

4. Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên tại phiên tòa:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Ý kiến về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi có QĐ đưa vụ án ra xét xử nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71/BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72/BLTTDS.

- Ý kiến về giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228/BLTTDS; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Anh Vũ Bế Thái D được ly hôn với chị Vũ Thị H.

2 Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của anh Vũ Bế Thái D.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại phường Đ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về thủ tục tố tụng: Do nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên theo quy định tại Điều 238/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Anh D và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Đ (nay là phường Đ), tỉnh Điện Biên vào ngày 06/10/2023 là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Qua lời khai của nguyên đơn, thấy rằng trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị H đã đưa con chung đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Quá trình giải quyết chị H không có văn bản trả lời thông báo thụ lý, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích của mình, cũng không có ý kiến phản đối được coi là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Trên cơ sở lời khai, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có căn cứ về việc các đương sự đã ly thân, hiện không còn quan tâm gì đến nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng (nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau...) làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và giải quyết cho anh D được ly hôn với chị H.

[3.2] Về con chung: Anh D và chị Hồng có 01 con chung là Vũ Ngọc Tuệ N - sinh ngày 15/11/2022. Anh D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh D không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của anh D là hoàn toàn chính đáng nhưng do hiện nay cháu N đang ở với mẹ, không có mặt tại địa phương. Nên nếu giao con cho anh D là không phù hợp với thực tế, không có khả năng thi hành. Hơn nữa, cháu N còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, vì vậy việc giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu giải quyết về con chung của nguyên đơn.

Do các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn

nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Bế Thái D.

- Về hôn nhân: Anh Vũ Bế Thái D được ly hôn với chị Vũ Thị H.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Bế Thái D.

Về con chung: Chị Vũ Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Ngọc Tuệ N - sinh ngày 15/11/2022 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Anh Vũ Bế Thái D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000263 ngày 28/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. (Anh D đã nộp đủ tiền án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1 - ĐB;
- Những người tham gia tố tụng;
- THADS tỉnh ĐB;
- Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- UBND phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ